TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2017/DS-PT
Ngày: 20-7-2017
"V/v tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Nguyễn Văn Năm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Thanh Hoàng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2016/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2016 về tranh chấp di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2016/DS-ST, ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 282/2017/QĐPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Vĩnh H, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lâm Văn S, sinh năm 1985. Cùng địa chỉ: khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh *(được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2016)* Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thiên Phương, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà NLQ3, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh *(được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 9/11/2016)* Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phạm Minh Trí, Luật sư của Văn phòng Luật sư Hai Ngoan thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. *NLQ1*, sinh năm 1937;

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của NLQ1: Chị Lâm Thị Tuyết N, sinh năm 1990. Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh *(được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 24/11/2015)* Có mặt.

2. *NLQ2*, sinh năm 1944 (chết)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà NLQ2 gồm:*

2. 1. Võ Thị Thanh T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Đường M, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt)

2. 2. Võ Hồng T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khóm 1, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Xin vắng mặt)

2. 3. Võ Thị Thanh X, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp Trà Kháo, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Xin vắng mặt).

2. 4. Võ Hồng Đ, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khóm 1, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Xin vắng mặt).

2. 5. Võ Thị Thanh C, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Đường N, phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt).

3. *NLQ3*, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

4. *NLQ4*, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

5. *NLQ5*, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

6. *NLQ6*, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Long: Anh Lâm Văn S, sinh năm 1985; Địa chỉ: khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh *(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2016)* Có mặt

7. *NLQ7*, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Đường Đ, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. *NLQ8*, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Đường T, khóm B, phường M, Thành phố L, tỉnh An Giang (Xin vắng mặt).

9. *NLQ9*, sinh năm 1938 (chết)

Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NLQ9 gồm:*

9. 1. Bà Thái Thị Kim Nhung, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Bến H, phường N, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. 2. Ông Huỳnh Kim B, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

9. 3. Ông Thái Kim P, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

9. 4. Ông Thái Kim Đ, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

9. 5. Ông Vũ Hồng Ph.

Địa chỉ: Số 514 Evdisst Santana CA 92704 USA (Mỹ).

9. 6. Chị Lâm Thị N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

9. 7. Bà NLQ3, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh

10. *NLQ10*, sinh năm 1956. Đã tuyên bố mất tích.

- *Người kháng cáo:* Bà Lâm Thị N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Lâm Vĩnh H là nguyên đơn trình bày: Cha của ông Lâm Vĩnh H là ông Lâm Văn T (chết năm 2004). Sinh thời, ông Lâm Văn T có 4 người vợ: Vợ thứ nhất tên Trương Thị T, vợ thứ hai tên Tăng Thị S, vợ thứ ba tên Võ Thị H và vợ thứ tư là NLQ9. Ba người vợ đầu chết từ lâu, còn người vợ thứ tư là NLQ9 chết năm 2008. Ông Lâm Văn T chung sống với bốn người vợ có tất cả 11 người con gồm: NLQ1, NLQ2, NLQ7, NLQ8, Lâm Vĩnh H, NLQ10, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ3 và Lâm Thị N.

Sau khi chết thì ông Lâm Văn T có để lại tài sản diện tích là 1.087,5m^2 đất ở, thửa số 30, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cùng một căn nhà gắn liền với quyền sử dụng phần đất nêu trên, đây là tài sản của ông Lâm Văn T không phải là tài sản chung với người vợ nào, ông Lâm Văn T chết không có để lại di chúc, toàn bộ tài sản này do bà Lâm Thị N quản lý. Nay ông Lâm Vĩnh H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế cho ông Lâm Vĩnh H theo quy định của pháp luật, ông Lâm Vĩnh H đồng ý giao toàn bộ nhà, đất như đã nêu trên cho bà Lâm Thị N trọn quyền sử dụng, chia thừa kề bằng giá trị tài sản đều ra cho các đồng thừa kế. Riêng căn nhà do ông Lâm Văn T để lại không chia giao cho bà Lâm Thị N để thờ cúng ông, bà.

Theo lời khai của bà Lâm Thị N là bị đơn trình bày: Bà Lâm Thị N thống nhất với lời trình bày của ông Lâm Vĩnh H về những người vợ và các con cũng như di sản do ông Lâm Văn T để lại như đã nêu trên là đúng. Hiện tại bà Lâm Thị N đang quản lý phần di sản do ông Lâm Văn T để lại. Trước khi chết ông Lâm Văn T đã làm tờ di chúc ủy quyền giao phần nhà, đất này lại cho bà Lâm Thị N để thờ cúng ông, bà và đã được chính quyền địa phương xác nhận, bà Lâm Thị N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do sai tên đệm nên đã yêu cầu điều chỉnh lại nhưng cho đến nay chưa được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông Lâm Văn T đã giao hết phần tài sản nhà, đất này cho bà Lâm Thị N nên bà không đồng ý chia thừa kế theo như yêu cầu của ông Lâm Vĩnh H.

Chị Lâm Thị Tuyết N là người đại diện hợp pháp của NLQ1 trình bày: Chị là cháu ngoại của bà NLQ1. Theo NLQ1 thì NLQ1 là con ruột của ông Lâm Văn T với bà Trương Thị T, mẹ NLQ1 chết đã lâu không nhớ năm nào, về phần tài sản của ông Lâm Văn T như đã nêu trên là đúng. Trước khi chết thì ông Lâm Văn T có nói lại với NLQ1 là giao toàn bộ nhà, đất nêu trên cho Lâm Thị N toàn quyền sử dụng để thờ cúng tổ tiên, ông bà chứ không được chia năm xẻ bảy, do đó bản thân NLQ1 không đồng ý chia mà để lại cho Lâm Thị N tiếp tục sử dụng để thờ cúng ông, bà.

Anh Lâm Văn T1 là người đại diện hợp pháp cho NLQ2 trình bày: NLQ2 là con ruột của ông Lâm Văn T và bà Trương Thị T. Về phần tài sản của ông Lâm Văn T như đã nêu trên là đúng. Nay NLQ2 yêu cầu được hưởng một phần giá trị tài sản (giá trị bằng tiền) của ông Lâm Văn T để lại.

NLQ4 trình bày: NLQ4 là em ruột của ông Lâm Vĩnh Hiệp H. Nay NLQ4 cũng yêu cầu được hưởng một phần giá trị tài sản của ông Lâm Văn T để lại, tính bằng tiền.

Anh Lâm Văn T1 là người đại diện hợp pháp cho NLQ6 trình bày: NLQ6 là em ruột của ông Lâm Vĩnh H. Nay NLQ6 cũng yêu cầu được hưởng một phần giá trị tài sản của ông Lâm Văn T để lại, tính bằng tiền.

NLQ5 trình bày: NLQ5 là em ruột của ông Lâm Vĩnh H. Nay NLQ5 cũng yêu cầu được hưởng một phần giá trị tài sản của ông Lâm Văn T để lại, tính bằng tiền.

NLQ7 vắng mặt và có gởi văn bản trình bày như sau: NLQ7 là con ruột của ông Lâm Văn T, ông Lâm Văn T chết có để lại di sản, nay anh chị em trong thân tộc tranh chấp di sản thừa kế với nhau. NLQ7 xác định là không có yêu cầu gì về phần di sản thừa kế của ông Lâm Văn T để lại. Do NLQ7 không có yêu cầu phân chia tài sản nên NLQ7 xin Tòa án căn cứ vào lời trình bày này và giải quyết vắng mặt NLQ7.

NLQ8 vắng mặt và có gởi văn bản trình bày như sau: NLQ8 là con thứ 4 của ông Lâm Văn T. Việc tranh chấp giữa Lâm Thị N với Lâm Vĩnh H trong đó NLQ8 là người có liên quan, NLQ8 không yêu cầu chia thừa kế mà NLQ8 xin giao phần của mình lại cho Lâm Vĩnh H để thờ cúng ông bà. Do NLQ8 ở xa nên xin Tòa án căn cứ vào lời trình bày này và giải quyết vắng mặt NLQ8.

NLQ3 trình bày: NLQ3 là con của ông Lâm Văn T và NLQ9, trong vụ án tranh chấp thừa kế giữa ông Lâm Vĩnh H với Lâm Thị N thì NLQ3 không tranh chấp mà nhường quyền thừa kế lại cho bà Lâm Thị N.

Bà Thái Thị Kim N, ông Thái Kim Đ, ông Thái Kim P và ông Huỳnh Kim B vắng mặt nhưng cùng có lời khai như sau: Bà Thái Thị Kim N, ông Thái Kim Đ, ông Thái Kim P và ông Huỳnh Kim B là con riêng của NLQ9, hiện nay NLQ9 đã chết. Các ông, bà là người thừa kế thế vị của NLQ9nhưng không có tranh chấp hay yêu cầu nhận di sản thừa kế mà xin nhường lại cho Lâm Thị N được hưởng. Do không có yêu cầu phân chia tài sản nên bà Thái Thị Kim N, ông Thái Kim Đ, ông Thái Kim P và ông Huỳnh Kim B xin Tòa án căn cứ vào lời trình bày này và giải quyết vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm lần 01 số 52/2008/DS-ST, ngày 10/9/2008 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Áp dụng Điều 105 Luật đất đai.

Tuyên xử: Bác yêu cầu chia thừa kế của ông Lâm Vĩnh H, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ8, NLQ2.

Công nhận phần đất có diện tích 1.087,5m^2, thuộc thửa 30 và một căn nhà trên thửa 30, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C thuộc quyền sử dụng của chị Lâm Thị N. Đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp lộ có đọ dài 34,12m;

- Hướng Tây giáp chùa Hòa Bình có độ dài 16,62m;

- Hướng Nam giáp chùa Hòa Bình có độ dài 37,67m;

- Hướng Bắc giáp ông Lâm Văn Rớt có độ dài 43,79m.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, lệ phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/9/2008 ông Lâm Vĩnh H là nguyên đơn kháng cáo.

Tại bản án phúc thẩm số 59/2009/DS-PT, ngày 04/5/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 52/2008/DS-ST, ngày 10/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm lần 02 số 23/2016/DS-ST, ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 305; 599, 631, 633, 634, 635, 645 của Bộ luật dân sự;

Giao cho bà Lâm Thị N quản lý và sử dụng diện tích 1.087,5m^2, thuộc thửa 30, loại đất ODT + CLN, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có tứ cận cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 31 (chùa H) có chiều dài các đoạn lần lượt là 6,11m; 31,56m và 4,82m.

- Hướng Tây giáp thửa 45 và 29 có chiều dài lần lượt là 18,04m; 25,76m.

- Hướng Nam giáp thửa 31 (chùa H) chiều dài 16,63m.

- Hướng Bắc giáp đường Nguyễn Văn T có chiều dài 34,13m.

Cùng toàn bộ nhà ở, vật kiến trúc và các loại tài sản khác có trên đất.

Buộc bà Lâm Thị N phải thanh toán cho ông Lâm Vĩnh H số tiền 241.260.000 đồng (trong đó phần của ông Lâm Vĩnh H là 120.630.000 đồng, phần của ông NLQ8 giao cho ông Lâm Vĩnh H hưởng là 120.630.000 đồng). Thanh toán cho NLQ2, NLQ4, NLQ5 và NLQ6 mỗi người 120.630.000 đồng.

Riêng ông Vũ Hồng P, định cư ở nước ngoài và NLQ10 bị tuyên bố mất tích nên quyền lợi hưởng thừa kế của ông Vũ Hồng P và NLQ10 Tòa án chưa giải quyết, tạm thời giao phần thừa kế của ông Vũ Hồng P và NLQ10 cho bà Lâm Thị N quản lý, nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết sau.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, lệ phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13 tháng 6 năm 2016 bà Lâm Thị N làm đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm công nhận di chúc của ông Lâm Văn T để lại toàn bộ tài sản cho bà được hưởng. Yêu cầu tính công sức giữ gìn bảo quản di sản cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đại diện cho bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Đất là tài sản của ông Lâm Văn T chết để lại. Các đương sự đều thừa nhận qua các lần hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nên tài sản này phải được chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Tờ di chúc ủy quyền của bị đơn cung cấp không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 1995. Việc tặng cho cũng chưa hoàn thành theo quy định của pháp luật. Bà Lâm Thị N cũng không có công sức đóng góp trong tài sản thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn là chưa có cơ sở để chấp nhận toàn bộ. Di chúc của ông Lâm Văn T lập ngày 15/3/2001 là không hợp pháp nên tài sản của ông Lâm Văn T chết để lại được chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Khi chia thừa kế Tòa án cấp sơ thẩm không tính công sức giữ gìn, bảo quản di sản của bà N là thiệt thòi quyền lợi của bị đơn. Giá trị đất có thay đổi sau khi định giá lại theo kháng cáo yêu cầu của bà Lâm Thị N. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm phần giá trị được chia và trích công sức giữ gìn, bảo quản tài sản của bà Lâm Thị N bằng 01 kỷ phần thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lâm Thị N là trong hạn luật định nghĩ nên chấp nhận. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm NLQ2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chết nên các con của NLQ2 là Võ Thị Thanh T, Võ Hồng T, Võ Thị Thanh X, Võ Hồng Đ, Võ Thị Thanh C là người thừa kế nghĩa vụ tố tụng của bà NLQ2. Các con NLQ2 xin vắng tại phiên tòa phúc thẩm có lý do chính đáng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị N cho rằng căn nhà khung gỗ, mái tol, nền lót gạch men gắn liền với diện tích 1.087,5m^2 đất ở, thửa số

30, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C là của ông Lâm Văn T đã lập "di chúc ủy quyền" ngày 18/3/2001 và "tờ ủy quyền" có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn C đề ngày 16/3/2001. Xét thấy tờ di chúc ủy quyền đề ngày 18/3/2001 không đúng theo quy định của Điều 656 Bộ luật dân sự năm 1995 vì tài sản được di chúc không ghi là tài sản gì mà tờ di chúc chỉ ghi bất động sản và phần đất tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, không thể hiện diện tích đất bao nhiêu ở vị trí nào. "Tờ ủy quyền" có nội dung ông Lâm Văn T giao bà Lâm Thị N có quyền sử dụng toàn bộ tài sản của ông gồm bất động sản và đất tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C. Việc tặng cho này chưa có căn cứ, vì không làm đúng theo quy định của pháp luật. Mặt khác bà Lâm Thị N cũng chưa làm đầy đủ thủ tục để nhận tài sản tặng cho; điều kiện tặng cho bất động sản hoặc tài sản phải đăng ký chỉ hoàn tất khi được Nhà nước cấp quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu. Bà Lâm Thị N không có căn cứ chứng minh căn nhà và đất đang tranh chấp là của bà Lâm Thị N đã được tặng cho.

Theo lời khai của các đương sự thì căn nhà đất trên là của ông Lâm Văn T được cha mẹ ông Lâm Văn T cho ông. Bốn bà vợ của ông Lâm Văn T không có cùng tạo lập nên tài sản này (BL 501) nên ông Lâm Văn T chết tài sản của ông được chia thừa kế cho các con của ông. Ông Lâm Văn T lúc sinh thời có 4 người vợ và 11 người con. Ông Lâm Văn T chết ngày 23/12/2004. Bà vợ thứ 4 là NLQ9 (chết ngày 27/11/2008). Khi thừa kế của ông Lâm Văn T mở có 12 người thừa kế gồm:

1. NLQ1
2. NLQ2
3. NLQ7
4. NLQ8
5. Lâm Vĩnh H (nguyên đơn)
6. NLQ10 (mất Tích)
7. NLQ4
8. NLQ5
9. NLQ6
10. Lâm Thị N (bị đơn)
11. NLQ3
12. NLQ9

NLQ9 chết có 5 người con riêng với ông Lâm Văn T là Thái Kim N, Thái Kim Đ, Thái Kim P, Vũ Hồng P, Huỳnh Kim B và 2 con chung với ông Lâm Văn T là Lâm Thị N và NLQ3. Khi NLQ9 còn sống NLQ9 thống nhất giao phần thừa kế của mình cho Lâm Thị N hưởng. Sau khi NLQ9 chết các thừa kế của NLQ9 để phần thừa kế của NLQ9 cho bà Lâm Thị N trừ ông Võ Hồng P không có ý kiến.

NLQ1, NLQ3 nhường phần thừa kế cho bà Lâm Thị N các thừa kế của NLQ9 thống nhất giao cho bà Lâm Thị N nên bà Lâm Thị N được hưởng 4 phần. Riêng ông Vũ Hồng P ở nước ngoài không có ý kiến nên giao phần thừa kế của NLQ9 cho bà Lâm Thị N hưởng, ông Vũ Hồng P trở về có yêu cầu thì bà Lâm Thị N phải chia một phần bảy của phần thừa kế của NLQ9 được hưởng cho ông Vũ Hồng P.

Trong 12 người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn T, NLQ10 mất tích nên cấp sơ thẩm giành riêng ra một phần giao cho bị đơn quản lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

NLQ7, NLQ8 để suất thừa kế của mình cho ông Lâm Vĩnh H được hưởng, nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự, nên ông Lâm Vĩnh H được hưởng 3 kỷ phần thừa kế.

Các thừa kế còn lại gồm NLQ4, NLQ5, NLQ6 mỗi người hưởng 01 suất ngang nhau.

Các đồng thừa kế thống nhất giao căn nhà cho bà Lâm Thị N hưởng để làm nơi thờ cúng ông bà, cây trái trên đất giao cho bà Lâm Thị N được hưởng; chỉ yêu cầu chia giá trị đất. NLQ2 chết trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm các thừa kế của NLQ2 là Võ Thị Thanh T, Võ Hồng T, Võ Thị Thanh X, Võ Hồng Đ, Võ Thị Thanh C giao phần thừa kế của NLQ2 cho người hưởng tài sản để thờ cúng ông, bà. Bà Lâm Thị N được giao tài sản nên giao kỷ phần thừa kế của NLQ2 cho bà Lâm Thị N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các đương sự thống nhất nhau diện tích 1.087,5m^2 trừ diện tích nhà ở 121,6m^2 dùng làm tài sản dùng vào việc thờ cúng, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự. Diện tích đất 1.087,5m^2 là đất ghép đất ở và đất trồng cây lâu năm trong này có 300m^2 đất ở (Theo văn bản số 55/UBND-NC ngày 15/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè) nên trừ 121,6m^2 gắn liền với nhà ở ra, còn lại 965,11m^2 (178,4m^2 đất ở, 787,7m^2 đất trồng cây lâu năm) là tài sản thừa kế. Theo biên bản định giá ngày 15/5/2017. Hội đồng định giá xác định đất ở giá 1.500.000 đồng/m^2. Đất trồng cây lâu năm 450.000 đồng/m^2.

Tổng giá trị tài sản để chia thừa kế bằng: 622.065.000 đồng.

Đất ở: 178,4m^2 x 1.500.000 đồng/m^2 = 267.600.000 đồng.

Đất trồng cây lâu năm 787,7 m^2 x 450.000 đồng/m^2 = 354.465.000 đồng.

Xét thấy trong khi ông Lâm Văn T còn sống bà Lâm Thị N là người có công chăm sóc ông Lâm Văn T bảo quản giữ gìn di sản nên trích một phần giá trị thừa kế cho bà Lâm Thị N được hưởng bằng một phần thừa kế là 51.838.750 đồng. Các đồng thừa kế mỗi người hưởng một suất ngang nhau bằng 47.518.800 đồng.

Như vậy ông Lâm Vĩnh H được hưởng 142.556.500 đồng.

Như vậy bà Lâm Thị N được hưởng 336.951.500 đồng (trong này có phần của NLQ2, NLQ9, NLQ10).

NLQ4, NLQ5, NLQ6 mỗi người hưởng 01 suất thừa kế bằng 47.519.000 đồng.

Giao cho bà Lâm Thị N được quyền sử dụng và sở hữu căn nhà khung gỗ, mái tol, nền lót gạch men gắn liền với diện tích 1.087,5m^2 đất ở, thửa số 30, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C (trong này có 121,6m^2 đất gắn liền với căn nhà mái tol, lót gạch men dùng làm vào việc thờ cúng), bà Lâm Thị N phải thanh toán lại giá trị thừa kế cho các thừa kế như nhận định nêu trên.

Về án phí, lệ phí định giá các đương sự phải chịu tương đương với phần giá trị tài sản được hưởng. Các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 23/2016/DS-ST, ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện C.

Áp dụng các điều 674, 675, 676, 685, 734 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn T có 12 người gồm:

NLQ1, NLQ2, NLQ7, NLQ8, Lâm Vĩnh H, NLQ10 (mất tích), NLQ4, NLQ5, NLQ6, Lâm Thị N, NLQ3, NLQ9.

2. Di sản của ông Lâm Văn T để lại gồm 01 căn nhà khung gỗ, mái tol, nền lót gạch men gắn liền với diện tích 1.087,5m^2 đất ở, thửa số 30, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C và cây trái trên đất.

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao căn nhà mái tol, lót gạch men, gắn liền diện tích 121,6m^2 đất ở làm tài sản thờ cúng do bà Lâm Thị N quản lý.

Tổng giá trị tài sản còn lại bằng: 622.065.000 đồng (Đất ở: 178,4m^2 x 1.500.000 đ/m^2 = 267.600.000 đồng; Đất trồng cây lâu năm 787,7m^2 x 450.000 đ/m^2 = 354.465.000 đồng); di sản này được chia thừa kế theo pháp luật.

4. Trích một phần giá trị tài sản thừa kế cho bà Lâm Thị N vì có công sức duy trì, bảo quản di sản bằng 51.838.750 đồng.

5. Kỷ phần thừa kế của NLQ1, NLQ2, NLQ7, NLQ8, Lâm Vĩnh H, NLQ10 (mất tích), NLQ4, NLQ5, NLQ6, Lâm Thị N, NLQ3. NLQ9 mỗi người được hưởng 47.518.800 đồng.

Công nhận việc NLQ7, NLQ8 nhường phần thừa kế của mình cho ông Lâm Vĩnh H.

Công nhận việc NLQ1, NLQ3, các thừa kế của NLQ2 là Võ Thị Thanh T, Võ Hồng T, Võ Thị Thanh X, Võ Hồng Đ, Võ Thị Thanh C nhường phần thừa kế của mình cho Lâm Thị N.

Công nhận việc các thừa kế của NLQ9 gồm: Thái Kim N, Thái Kim Đ, Thái Kim P, Vũ Hồng P, Huỳnh Kim B, NLQ3 cho bà Lâm Thị N hưởng phần thừa kế của NLQ9. Riêng ông Võ Hồng P có quyền yêu cầu chia thừa kế của NLQ9 nếu có yêu cầu.

Tạm giao kỷ phần thừa kế của NLQ10 cho bà Lâm Thị N quản lý. NLQ10 yêu cầu chia thừa kế thì phải giải quyết bằng một vụ án khác.

6. Giao cho bà Lâm Thị N được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật là căn nhà khung gỗ, mái tol, nền lót gạch men gắn liền với diện tích 1.087,5m^2 đất ở, cây lâu năm, thửa số 30, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn C, huyện C và cây trái trên đất (trong đó có 121,6m^2 đất ở gắn liền với căn nhà khung gỗ, máy tol, nền gạch men là di sản thờ cúng).

(*xem sơ đồ kèm theo công văn 50/CV-VPĐKDĐ ngày 25/2/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Cầu Kè)*

Buộc bà Lâm Thị N phải thanh toán giá trị hưởng thừa kế của ông Lâm Vĩnh H bằng 142.556.500 đồng *(một trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm đồng)*; của NLQ4, NLQ5, NLQ6 mỗi người bằng 47.518.800 đồng *(bốn mươi bảy triệu năm trăm mười tám ngàn tám trăm đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Vĩnh H phải chịu 7.127.825 đồng. Ông Lâm Vĩnh H đã nộp 1.031.250 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 004502 ngày 06/4/2006 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên cấn trừ còn lại 6.096.575 đồng ông Lâm Vĩnh H phải nộp tiếp.

Bà Lâm Thị N phải chịu 14.471.600 đồng, NLQ4, NLQ5, NLQ6 mỗi người phải chịu 2.376.000 đồng.

NLQ4 đã nộp 2.866.900 đồng theo biên lai thu số 009445 ngày 25/8/2009 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên cấn trừ. NLQ4 được nhận lại 490.900 đồng.

Các thừa kế của NLQ2 gồm Võ Thị Thanh T, Võ Hồng T, Võ Thị Thanh X, Võ Hồng Đ, Võ Thị Thanh C được nhận lại 2.866.900 đồng tiền tạm ứng án phí do NLQ2 đã nộp theo biên lai thu số 009443 ngày 24/8/2009 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bà Lâm Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Lâm Thị N theo biên lai thu số 0004852 ngày 13/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

8. Về lệ phí định giá 4 lần bằng 6.263.500 đồng.

Ông Lâm Vĩnh H phải chịu 1.708.300 đồng;

Bà Lâm Thị N phải chịu 2.847.000 đồng;

NLQ4, NLQ5, NLQ6 mỗi người bằng 569.400 đồng.

Ông Lâm Vĩnh H đã nộp tạm ứng 4.298.500 đồng, bà Lâm Thị N đã nộp tạm ứng 1.965.000 đồng. Nên bà Lâm Thị N phải nộp thêm 882.000 đồng trả cho ông Lâm Vĩnh H. NLQ4, NLQ5, NLQ6 mỗi người phải nộp 569.400 đồng trả cho ông Lâm Vĩnh H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung